

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MCB
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2024

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Bình

Ông Hồ Văn Thái

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thùy T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp TT, xã TTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn:** Ông Đinh Văn K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp TT, xã TTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thùy T trình bày:

Bà và ông Đinh Văn K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/12/2002. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 03/3/1993, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T khai không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà T khai không có nợ chung.

Bị đơn ông Đinh Văn K thống nhất với lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân vợ chồng. Nay bà T làm đơn xin ly hôn ông cũng đồng ý xin ly hôn. Đồng thời, ông K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 03/3/1993, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông K khai không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông K khai không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện đang cư trú tại xã TTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thùy T, bị đơn ông Đinh Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trang và ông K là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm Thùy T và ông Đinh Văn K tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/12/2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng ly thân cho đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn được với nhau. Nay bà T xác định không còn tình cảm với chồng nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K, ông K cũng thống nhất với ý kiến bà T và đồng ý thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T có đơn xin ly hôn, ông K đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông K và bà T. Bà T và ông K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà Phạm Thùy T và ông Đinh Văn K có 01 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 03/3/1993, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Phạm Thùy T và ông Đinh Văn K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Phạm Thùy T và ông Đinh Văn K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm các đương sự phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thùy T và ông Đinh Văn K thuận tình ly hôn.
- *Về con chung*: Bà Phạm Thùy T và ông Đinh Văn K có 01 con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 03/3/1993, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- *Về tài sản chung*: Bà Phạm Thùy T và ông Đinh Văn K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- *Về nợ chung*: Bà Phạm Thùy T và ông Đinh Văn K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thùy T tự nguyện nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004616 ngày 17/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thùy T đã nộp xong tiền án phí.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã TTT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Thanh Chánh

Hồ Văn Thái

Nguyễn Thị Đoan Trang